TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ D** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 05 - 9 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nông;

Bà Nguyễn Hồng Gấm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thụy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân thị xã D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1973; thường trú: Tổ 34, phường H, quận H1, thành phố Đà Nẵng; tạm trú: số 56/7, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Số 78/18/5, tổ 20, khu phố Đ, đường B, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Thu Th, sinh năm 1978; thường trú: xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Nam; tạm trú: số 56/7, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Số 78/18/5, tổ 20, khu phố Đ, đường B, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2017 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Đức D trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức D và chị Huỳnh Thị Thu Th chung sống với nhau từ năm 2008, có tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường H, quận H1, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng kết hôn số 08, quyển số 01/2009 ngày 07/02/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

tại thị xã D, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Thủy không tôn trọng, thường xuyên xúc phạm anh D, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Anh Nguyễn Đức D xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị Thu Th.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 19/7/2011. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh D đồng ý giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hiện nay anh D làm công nhân, thu nhập trung bình khoảng 5.000.000 đồng/01 tháng. Chị Th làm công nhân thu nhập trung bình khoảng 4.500.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 18/7/2017 bị đơn chị Huỳnh Thị Thu Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thu Th thống nhất với lời khai của anh Nguyễn Đức D về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2016 vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Dũng có tình cảm với người đàn ông khác và anh D đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Chị Th xác định vẫn còn tình cảm với anh D nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 19/7/2011. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị Th có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con anh do D đưa ra là mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hiện nay chị Th làm công nhân, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000 đồng/01 tháng. Anh D làm gì, thu nhập bao nhiêu chị Th không biết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Biên bản xác minh ngày 03/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã D tại khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương thể hiện: Anh Nguyễn Đức D và chị Huỳnh Thị Thu Th là vợ chồng, trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, anh D đã bỏ ra ngoài sinh sống, không còn chăm sóc vợ con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng

quy định. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Nguyễn Đức D thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị xã D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức D và chị Huỳnh Thị Thu Th là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H1, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng kết hôn số 08, quyển số 01/2009 ngày 07/02/2009 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức D và chị Huỳnh Thị Thu Th theo xác nhận của các bên thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2016, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng, nghi nhờ lòng chung thủy của nhau, không quan tâm chăm sóc, xúc phạm nhau. Tại Biên bản xác minh ngày 03/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã D tại khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương thể hiện: Anh Nguyễn Đức D và chị Huỳnh Thị Thu Th là vợ chồng, trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, anh D đả bỏ ra ngoài sinh sống, không còn chăm sóc vợ con. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù chị Huỳnh Thị Thu Th không đồng ý ly hôn nhưng mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ lâu, thực tế vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh D đã trầm trọng, không thể khắc phục được. Vì vậy, xét thấy không thể kéo dài cuộc sống chung nên yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Đức D là có cơ sở phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Th và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 19/7/2011, chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt, quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy cháu Nguyễn Đức Tr còn nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ và từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Nguyễn Đức Tr ở với mẹ là chị Huỳnh Thị Thu Th, đồng thời anh D đồng ý giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi

dưỡng. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận nguyện vọng của chị Huỳnh Thị Thu Th về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D tự nguyện cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 1.500.000 đồng, được chị Th đồng ý và cũng phù hợp với mức cấp dưỡng trung bình tại địa phương, phù hợp với điều kiện và thu nhập hàng tháng của anh D nên chấp nhận. Anh Nguyễn Đức D có quyền đi lại thăm con.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh D và chị Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức D phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức D được ly hôn với chị Huỳnh Thị Thu Th.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Đức D giao con chung tên Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 19/7/2011 cho chị Huỳnh Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Đức D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chị Huỳnh Thị Thu Th và anh Nguyễn Đức D đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009506 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương. Anh Nguyễn Đức D còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã D (1);
- CCTHA DS thị xã D (1);
- UBND P.H, Q.H1, TP.Đà Nẵng (1);
- Đương sự (2);
- Lưu: VP, HS (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Kiều Thị Uyên

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ D** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ….giờ….. phút, ngày 05 tháng 9 năm 2017.

Tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nông;

Bà Nguyễn Hồng Gấm.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 424/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2017 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1973; thường trú: Tổ 34, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; tạm trú: số 56/7, khu phố Tân Hòa, phường Đông Hòa, thị xã D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Số 78/18/5, tổ 20, khu phố Đông An, đường Bùi Thị Cội, phường Tân Đông Hiệp, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Thu Th, sinh năm 1978; thường trú: xã Đồng Trường, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam; tạm trú: số 56/7, khu phố Tân Hòa, phường Đông Hòa, thị xã D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Số 78/18/5, tổ 20, khu phố Đông An, đường Bùi Thị Cội, phường Tân Đông Hiệp, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức D được ly hôn với chị Huỳnh Thị Thu Th.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Đức D giao con chung tên Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 19/7/2011 cho chị Huỳnh Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Đức D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chị Huỳnh Thị Thu Th và anh Nguyễn Đức D đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009506 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương. Anh Nguyễn Đức D còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi ….. giờ….. phút, ngày 05 tháng 9 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Kiều Thị Uyên